TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2019
"V/v tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Lan**

2- Ông **Lê Hoàng Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số:64/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị P**, sinh năm 1978. (tên gọi khác được ghi trong giấy đăng ký kết hôn là Phan Thị P, sinh năm 1979) (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T H, huyện CT A, tỉnh HG.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã VH , huyện UMT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn B quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện VT (nay là huyện UMT), tỉnh Kiên Giang ngày 28/4/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù chị P đã nhiều lần khuyên can mong anh B thay đổi, lo làm ăn để cùng nhau nuôi dạy con nhưng anh B vẫn không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, từ đó chị P và anh B sống ly thân với nhau từ tháng 10/2011 đến nay. Từ những nguyên nhân trên, chị Pyêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị P trình bày, trong thời gian vợ chồng chung sống chị và anh B có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 26/6/2000, giới tính nam và Nguyễn Văn M, sinh ngày 26/8/2002, giới tính nam. Hiện nay chị Pđang nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn chị Pyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày là không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Pvẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Văn B, về con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 26/6/2000, hiện đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đối với con tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 26/8/2002, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

- Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị P xử cho chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn B ly hôn.

Về con chung: Đối với con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 26/6/2000, giới tính nam, hiện đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét; giao con chung tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 26/8/2002, giới tính nam cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét

Về tài sản và phần nợ chung: Chị P trình bày chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại xã VH, huyện VT (nay là huyện UMT), tỉnh Kiên Giang. Vì vậy hôn nhân của chị Pvà anh B là hợp pháp.

Theo chị Ptrình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011, chị Pvề quê mẹ ở HG sinh sống cho đến nay.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh B không có mặt ở địa phương. Theo Biên bản xác minh ngày 01/7/2019 trưởng ấp 1, xã VH cung cấp thông tin như sau: Anh Nguyễn Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã VH, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng anh B chung sống ở địa phương đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng bỏ đi làm thuê trên thành phố Hồ Chí Minh, không rõ địa chỉ nơi ở hiện tại. Hàng năm đến dịp tết anh B trở về địa phương rồi tiếp tục đi làm. Trong thời gian vợ chồng anh B sinh sống tại địa phương có mâu thuẫn hay không, chính quyền không rõ.

Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị P và anh B là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn B ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị P và anh B có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 26/6/2000, giới tính nam và Nguyễn Văn M, sinh ngày 26/8/2002, giới tính nam. Hiện nay chị Pđang trực tiếp nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn với anh B, chị P yêu cầu về con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 26/6/2000, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đối với con tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 26/8/2002, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Nguyễn Thanh D đã đủ 18 tuổi tự quyết định sống với cha hoặc mẹ, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Đối với cháu Nguyễn Văn M sống ổn định với chị P khi vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay, được chăm sóc và phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa, đồng thời tại bản tự khai ngày 09/7/2019 cháu M cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét điều kiện nuôi con của chị P: Hiện nay, chị Pđi làm công nhân có thu nhập ổn định và hiện nay cháu M cũng đã đi làm phụ giúp cho gia đình, từ đó cho thấy điều kiện nuôi con của chị Pcũng đảm bảo.

Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Nguyễn Văn M cho chị Ptrực tiếp nuôi dưỡng.

Chị P không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét. Anh B có quyền thăm con, chăm sóc và giáo dục con chung, chị P và các thành viên trong gia đình không có quyền ngăn cản, nhưng anh B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị P.

- Về tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị P phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng, theo

lai thu số 0000922, ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 26/8/2002, giới tính nam cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Pkhông yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét. Anh B có quyền thăm con, chăm sóc và giáo dục con chung, chị Pvà các thành viên trong gia đình không có quyền ngăn cản, nhưng anh B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị P.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Pkhông yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị P phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị Pđã nộp 300.000 đồng, theo lai thu số 0000922, ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Pbiết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2019). Anh B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh